

TRUY MÔN CẢNH HUẤN

QUYỂN 10

KỆ KHEN NGỢI SỰ TRUYỀN PHÁP CỦA PHẬT

Cúi lạy trăm ngàn ức hóa thân Phật, ba A-tăng-kỳ kiếp tu luyện, muôn hạnh tròn đầy, bỏ vết nhơ mà pháp tánh trong suốt, với chút thiện mà báo hóa vi diệu. Nhưng sau đó sinh lên cõi trời Đâu-suất, giảng xuống cung vua, ba mươi tuổi ngồi dưới cây Đạo thành Phật, bốn mươi chín năm trụ thế giáo hóa, nói pháp ba trăm năm mươi lần, tuyên dương tám muôn bốn ngàn pháp môn. Ngoài vua quan ủng hộ ở nơi bốn biển chín châu, trong sự tăng truyền bá ở nơi nhân gian, thiên thượng còn trời cõi người, lợi ích rộng truyền pháp khôn lường, cho nên có kệ rằng:

Giả sử đầu đội vô số kiếp

Thân làm giường ngồi khắp Tam thiên

Nếu không truyền pháp độ chúng sinh

Rút cuộc không đáp được ân đức.

Truyền pháp có năm cách:

- Thọ trì.
- Xem sách.
- Đọc tụng.
- Giảng nói.
- Viết chép.

Ngoài hộ trong hộ lưu truyền tức là Phật, pháp, Tăng bảo không dứt.

BÀI TỰA TRƯỚC CỦA THIỀN LÂM DIỆU KÝ

Thích Huyền Tắc ở Chùa Tây Ninh, Kinh đô soạn. Tất cả chư Phật đều có ba thân:

1/ Pháp thân: do viên tâm chứng đắc.

2/ Báo thân: do muôn điều lành chiêu cảm.

3/ Hóa thân: do tùy duyên hiện.

Nay Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, pháp thân chứng đã lâu, báo thân

thành đã lâu, thân xuất hiện ngày nay bởi hóa thân. Nghĩa vào thời quá khứ ở chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, phát tâm Bồ-đề, nguyện đồng với danh hiệu này, cho nên ngày nay thành Phật cũng hiệu là Thích-ca, trải qua ba vô số kiếp tu tập hạnh Bồ-tát, trong mỗi kiếp thờ vô lượng Phật, trong thời gian đó tiếp tục gặp Định Quang Như Lai, dùng tóc có rải hoa Nê-Kim mà dâng lên, rồi được thọ ký và được Vô Sinh nhẫn, nhưng tất cả Đức Phật, lúc sắp thành Phật, đều phải trải qua trăm kiếp tu tập nghiệp tướng tốt. Đức Phật Thích-ca phát tâm sau Di-lặc, nhưng nhờ gặp được Phất-sa Như Lai, suốt bảy ngày kính ngưỡng, làm kệ khen ngợi, mới vượt qua chín kiếp thành đạo trước. Lúc sắp thành thì (1093) sinh lên cõi trời Đâu-suất, hiệu là Bồ-tát Phổ Minh, sau khi thọ mạng ở cõi trời hết thì sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, hiện cư con voi trắng nhập vào hông phải của mẹ. Mẹ chính là Ma-da nằm mộng thấy voi trắng nhập vào hông phải. Phạm Tiên đoán rằng: “Nếu mộng thấy nhật nguyệt sẽ sinh quốc vương, còn mộng thấy voi trắng sẽ sinh Thánh tử”.

Từ đó về sau, Ma-da bình tĩnh an nhiên, từ biện mỗi ngày một khác. Lúc Bồ-tát mới sinh rung chuyển cả mặt đất, thân sắc vàng tím có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng phát ra một tầm, sau khi sinh ra hướng về bốn phương, mỗi phương đều bước bảy bước, để hàng phục Ma Phạm. Ngài nói lời thành Phật: “Trên trời, dưới đất, chỉ có ta là tôn quý”. Khi bế Ngài vào đền thờ các vị trời, tất cả tướng các vị trời đều đứng dậy. Tiên A-tư-đà chấp tay khen rằng: Tướng tốt rõ ràng sẽ làm bậc Pháp Vương, chỉ tiếc là ta sắp chết không được thấy Phật, đó là Thái tử con vua Tịnh Phạn, nhũ danh là Tất-đạt-đa, ông nội là Sư Tử Giáp, Cha là Tịnh Phạn, mẹ là Ma-da, đời đời làm bậc Luân vương, thuộc dòng họ Cù-đàm, lại nhờ tài năng nên có họ riêng là Thích-ca. Ngài sinh ra tự nhiên sáng láng giỏi về nghệ thuật, dẫu sống trong năm đục nhưng chẳng thọ đục trần, dạo chơi ở bốn cửa thành thấy cảnh già, bệnh, chết và gặp một vị sa-môn. Khi trở về cung vua, trong lòng buồn chán, muốn xa lìa cảnh trần. Bỗng nửa đêm có vị Thiên Thần đỡ dậy, Ngài bèn phi ngựa báu vượt thành xuất gia, sáu năm tu tập khổ hạnh, biết con đường mình tu là sai, Thái tử liền nương vào phép chánh quán để được Bồ-đề.

Bấy giờ, có một cô gái chăn bò nấu sữa làm cháo, sữa sôi vọt lên, cô gái lấy làm kinh ngạc đem dâng Bồ-tát. Bồ-tát thọ dùng, khí lực trở nên mạnh mẽ, liền xuống sông tắm gội, lúc sắp lên bờ, cây tự hạ thấp cành xuống dẫn Bồ-tát lên, từ đó Bồ-tát nhận cỏ cát tường, ngồi dưới

cây Bồ-đề, ác ma thấy vậy, liền sinh tâm giận giữ nói: Người này muốn phá hoại cõi của ta, liền dẫn mười tám ức muôn quyết thuộc, cầm các khổ cụ đến doạ Bồ-tát, hối thúc Bồ-tát mau đứng dậy mà nhận năm dục lạc. Lại sai ba vị Diệu Ý Thiên Nữ đến mê hoặc Bồ-tát. Bấy giờ, Bồ-tát nhập định thắng ý từ khởi tâm thương xót, ma quân tự nhiên lui lẩn, ba Diệu Ý Thiên Nữ hoá thành loài ma gầy ốm. Sau khi Ngài hàng phục ma quân rồi, đến ngày mồng 8 tháng 2 lúc mặt trời mọc thì Ngài thành bậc Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi thành Phật, Ngài quán sát căn cơ chúng sinh, biết rõ chúng sinh ưa thích Tiểu thừa chưa kham nổi pháp Đại thừa. Ngài đi đến nước Ba-la-nại, độ cho năm anh em Kiều-trần-như, xoay bánh xe pháp Tứ Đế. Từ đó, Tam bảo bắt đầu xuất hiện, sau đó Ngài nói pháp độ sinh, trong cuộc hội lớn Ngài nhóm các vị Bồ-tát, bàn luận rất kỹ về vô tướng, sức thần thông thị hiện, văn kinh nói đầy đủ. Có một thời gian Ngài lên tầng trời Đao-lợi, chín tuần an cư nói pháp cho mẹ nghe. Lúc ấy, quốc vương Ưu-điền và Vua Ba-tư-nặc nhớ ân đức của Phật bèn khắc hình tượng Phật bằng gỗ chiên đàn, sau đó, Phật từ cõi trời Đao-lợi xuống, những pho tượng khắc đó đều đứng dậy ra đón, Phật liền xoa đầu các pho tượng đó và nói: Các vị ở đời vị lai phải làm Phật sự cho tốt, tượng Phật bắt đầu thịnh hành từ đó. Sự nghiệp hoá duyên sắp xong, bấy giờ, môn đồ chán nản lười biếng, Phật liền bảo đại chúng rằng: Ba tháng sau ta sẽ nhập Niết-bàn, ghi lại việc sau này như trong kinh đã nói rõ, nhưng thật ra thân Như Lai còn mãi không diệt, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Ngài thường ở núi Linh Thứu và các trụ xứ khác, nay sinh diệt là hoá thân của Phật, vì muốn đui dốt chúng sinh, Ngài hiện thành đồng loại với họ, cho nên Ngài thọ sinh, lại muốn giúp cho họ biết rõ pháp hữu vi chắc sẽ biến đổi, cho nên Ngài thị hiện tịch diệt. Lại căn cơ của chúng sinh thuần thực nên thị hiện tầm chúng sinh, vì để chúng sinh cảm kích, cho nên Ngài thị hiện tịch diệt. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, người trời cúng dường, xây tháp báu thờ.

Lại nữa, Đại Ca-diếp triệu tập một ngàn vị La-hán kết tập pháp tạng, còn A-nan nhớ rất cặn kẽ nên tụng kinh Phật, không sót một chữ, như bình nước này rót vào bình khác, khoảng một trăm năm sau, có vị vua Thiết Luân tự là A-thâu-kha cũng gọi là A-dục, cai quản quỷ thần, trong vòng một ngày ở trên cõi trời, ở dưới cõi người xây dựng tám muôn bốn ngàn tháp Xá-lợi, các di vật của Phật như y, bát, tích trượng v.v... cùng các Xá-lợi thần biến chẳng phải một. Đến đời Hán Minh năm mộng thấy một người thân vàng, dung mạo cao tới trượng sáu như hình dáng Đức Phật Thích-ca.

Lại vào thời Ngô thì Tôn Quyền đập phá thiêu đốt tượng Phật, nhưng Xá-lợi vẫn không bị huỷ hoại, lại đến tượng Phật bằng đá nổi trên sông, dung mạo trang nghiêm của Phật lướt nhẹ trên mặt biển, sức Bát-nhã sâu xa, Quán Âm mật nghiêm, sách khác ghi chép đầy đủ, ở đây không ghi nhiều.

BÀI KỆ KHEN NGỢI ĐỨC PHẬT PHÁT SA.

Trên trời dưới trời không ai bằng Phật

Thế giới mười phương cũng không sánh bằng

Mọi người tôi thấy ở trên thế gian

Tất cả cũng không có ai như Phật.

TRUYỆN HÁN HIỂN TÔNG KHAI PHẬT HÓA PHÁP BỔN NỘI.

Truyện rằng: Vào niên hiệu Vĩnh Bình thứ 13 đời vua Minh Đế, vua nằm mộng thấy vị thần thân bằng vàng cao trượng sáu, trên đỉnh đầu có ánh sáng, lúc tỉnh dậy vua bèn hỏi các quan, quan Phó Nghị tâu rằng: Có Đức Phật ra đời ở Thiên-trúc, vua bèn sai sứ đến thỉnh cầu, thỉnh được kinh tượng hai vị tăng, vua liền xây chùa thờ Phật, vẽ tranh Phật trên vách tường có ngàn muôn xe ngựa nhiều quanh tháp Phật ba vòng. Lại còn dựng tượng ở đài Thanh Lương, Nam Quan và trên cửa Cao Dương, tại Lăng Hiến Tiết xây chùa lập tượng Phật và chép kinh Tứ Thập Nhị Chương, hết sức cẩn thận ở thạch thất Lan Đài, rộng như trong tập mâu tử ở trước truyền rằng: Lúc đó, có các vị Sa-môn là Ca-diếp-ma-đăng, Trúc Pháp Lan, hạnh vị khó lường, có ý chí khai hóa, sai sứ đến thỉnh Ngài Ma-đăng đi về phía Đông, không giữ khu vực ấy, Ma-đăng theo đến Lạc Dương, hiểu rõ vật tình vua rất tôn sùng. Vua hỏi Ma-đăng rằng: Pháp Vương ra đời sao sự giáo hóa không đến được nơi này?

Ma-đăng đáp: Nước Ca-tỳ-la-vệ là trung tâm Tam thiên Đại thiên thế giới trăm ức mặt trời, mặt trăng chư Phật ba đời đều sinh ở đó, cho đến trời, rồng quỷ thần có tâm nguyện tu hành đều sinh ở đó, tiếp nhận sự giáo hóa đúng đắn của Phật đều được ngộ đạo, chúng sinh chỗ khác không có duyên cảm Phật thì Phật không đến.

Tuy Phật không đến nhưng ở đâu có ánh sáng của Phật soi đến, hoặc sau năm trăm năm, hoặc một ngàn năm, hoặc hai ngàn năm đều có bậc Thánh truyền bá giáo pháp của Phật, để dẫn dắt chúng sinh, giảng rõ về giáo nghĩa. Văn rất dài cho nên lược bớt, truyện chỉ nói:

Ngày 1 tháng giêng niên hiệu Vĩnh Bình thứ 14, đạo sĩ các núi như Ngũ Nhạc, v.v... có chư hầu yết kiến thiên tử, họ tự bảo nhau rằng: Thiên Tử bỏ đạo pháp của chúng ta đi tìm Hồ giáo ở nơi xa, nay nhân triều đình hội họp ta hãy dâng biểu phản kháng việc đó. Nội dung bài biểu lược rằng: Tất cả gồm sáu trăm chín mươi tử tội của Thái Thượng Quán ở mười tám núi như Ngũ Nhạc, v.v... đều tâu rằng:

Thái Thượng Vô Hình, vô danh vô cực, vô thượng, hư vô tự nhiên, đại giáo xuất hiện trước cả tạo hóa, thượng cổ cũng dẫn dắt trăm vua không đổi. Nay đạo của Bệ hạ vượt hơn nghĩa Hoàng, đức cao hơn Nghiêu Thuấn, thế mà bệ hạ bỏ gốc chạy theo ngọn, cầu giáo lý ở Tây Vực, tôn giáo đã thờ chính là tôn giáo của bọn rợ hồ.

Thuyết của họ không hợp Hoa hạ, xin bệ hạ tha tội chúng thần cho phép cùng thử nghiệm. Chúng thần đây là đạo sĩ ở các núi phần nhiều có tài thấy nghe xa rộng, thông hiểu kinh điển. Từ thời Nguyên Hoàng đến Thái Thượng quần lục, phù chú của Thái Hư chúng thần đều tu luyện đến mức cùng cực, hoặc đánh đập quý thần, nuốt mây uống khí, hoặc vào lửa không cháy, đi trên nước không chìm, hoặc ban ngày bay lên trời, hoặc ẩn hình không thấy, còn như phương thuật không ai hơn được, vậy thần xin được đo sức với họ.

1/ Là để Thánh Thượng yên vui.

2/ Để được phân biệt chân ngụy.

3/ Để có đại đạo quy về

4/ Để không loạn phong tục nước Trung hoa.

Nếu chúng thần đo sức thua thì xin chịu trọng tội, còn chúng thần thắng xin trừ khử bọn luống dối. Vua bèn ra lệnh cho quan Thượng thư lệnh là Tổng Trưởng dẫn họ vào cung Trường Lạc, đến ngày rằm tháng đó nhóm họp tại chùa Bạch mã, các đạo sĩ liền bày ba đàn, (1094) mỗi đàn mở hai mươi bốn cửa. Đạo sĩ Chử thiện tín ở Nam Nhạc, đạo sĩ Lưu Chánh Niệm ở Hoa Nhạc, đạo sĩ Hoàn văn Độ ở Hằng Nhạc, Đạo sĩ Tiêu Đắc Tâm ở Đại Nhạc, Đạo Sĩ Lữ Tuệ Thông ở Tung Nhạc, Đạo sĩ Kỳ Văn Tín v.v... ở mười tám ngọn núi Hoắc Sơn, Thiên mục, Ngũ Đài, Bạch Lộc, v.v... đều mang sách linh bảo chân văn, Thái Thượng ngọc quyết, Tam Nguyên phụ lục gồm năm trăm chín mươi quyển, đặt ở đàn Tây, các sách của hai mươi bảy nhà như Mao Thành Tử, Hứa Thành Tử, Lão Tử v.v... gồm hai trăm ba mươi lăm quyển đặt ở đàn giữa, còn bồ tát lễ trăm thần đặt ở đàn phía Đông, vua ra ngự ở cửa phía Nam của chùa, kinh tượng, xá-lợi Phật đặt ở Tây Đường, mười lăm ngày chay xong, các đạo sĩ liền dùng củi, sậy trộn với đàn trầm hương làm đuốc, nhiều

kinh rồi khóc rằng: chúng thần kính tâu Thái Cực Đại Đạo Nguyên Thế Thiên tôn chúng tiên bách linh, nay Hồ thần làm loạn Hoa nhân, nhà vua tin theo tà đạo, chánh giáo mất dấu, ngọn gió huyền diệu đọa rơi, chúng thần xin đặt kính trên đàn dùng lửa để thử nghiệm, muốn chỉ bày cho những tâm hồn còn bị che lấp để họ phân biệt được chân ngụy. Khẩn xong, họ liền châm lửa đốt kính, kính thấm lửa cháy rụi thành tro bụi, bọn đạo sĩ nhìn nhau mất hồn, vô cùng kính sợ, kẻ muốn bay lên trời ẩn hình thì không đủ sức bay lên được, kẻ sai khiến quỷ thần thì hò hét không ứng, ai nấy đều hổ thẹn. Đạo sĩ Phó Thác Tài ở Nam Nhạc tự cảm mà chết, quan Thái phó Trương Diễn nói với Chử Thiệu Tín rằng: Các ông thử không ứng nghiệm, tức là luống dối, nên y cứ vào chân pháp từ Ấn-độ truyền sang. Chử Thiệu Tín nói: Mao Thành Tử nói rằng: Thái Thượng chính là Linh Bảo Thiên Tôn, do tạo hóa làm ra, gọi là Thái Tổ, đây há là luống dối hay sao?

Trương Diễn đáp: Thái Tổ chỉ là danh từ của đức quý, chứ không phải danh xưng của bậc có ngôn giáo. Nay ông lại bảo có ngôn giáo, tức là luống dối. Tín im lặng. Lúc đó, xá-lợi Phật tỏa ánh sáng năm màu lên thẳng hư không, xoay tròn như chiếc lọng, che quanh đại chúng, át cả ánh sáng mặt trời.

Pháp sư Ma-đăng vọt cao lên hư không, nằm ngồi trên hư không, hiện nhiều phép thần biến. Bấy giờ, trời mưa hoa báu lên mình Phật và tăng. Lại nghe tiếng nhạc trời cảm động nhân tình, đại chúng đều vui mừng khen là việc chưa từng có. Họ đều vây quanh Pháp Lan nghe nói về yếu nghĩa của Phật pháp và dùng âm phạm khen ngợi công đức của Phật, cũng làm cho mọi người mở mang Tam bảo, nói về nghiệp Thiệu, ác đều có quả báo, sáu đường ba thừa các tướng khác nhau. Lại nói về công đức xuất gia, phước đó cao hơn hết, trước lập chùa, đồng với phước của Phật. Quan Tư Không là Dương Thành Hầu Lưu Tuấn cùng các quan nhân, sĩ thứ hơn một ngàn người xuất gia. Bọn đạo sĩ các núi Tứ nhạc là Lã Tuệ Thông v.v... tất cả gồm sáu trăm ba mươi người xuất gia. Âm phu nhân Vương Tiệp Hảo v.v... cùng các phụ nữ của quan nhân gồm hai trăm ba mươi vị xuất gia.

Lại xây dựng mười ngôi chùa, bảy ngôi ngoài thành cho tăng trụ trì, ba ngôi trong thành cho Ni trụ trì. Từ đó về sau Đạo Phật càng phát triển. Truyện có năm quyển sơ lược, không đầy đủ, có người nghi truyện này, sách xuất bản gần đây không có việc độ sức. Theo sách nhà Ngô có nói rõ về việc Phí Thúc Tài cảm chết, cho nên truyện này là thật.

THƯỢNG THÁI TẾ HỎI KHỔNG TỬ VỀ BẠC THÁNH.

Thái Tế hỏi Khổng tử rằng: Ngài có phải là bậc Thánh hay chăng?

Đáp: Khâu cũng học rộng nhớ dai, nhưng chẳng phải là bậc Thánh.

Lại hỏi Tam Vương có phải là bậc Thánh chăng?

Đáp: Tam Vương khéo dùng trí dũng, còn phải là bậc Thánh hay không thì khâu tôi không biết.

Lại hỏi: Ngũ Đế có phải là bậc Thánh chăng?

Đáp: Ngũ Đế khéo dùng nhân nghĩa, còn phải là bậc Thánh hay không khâu này không rõ.

Lại hỏi: Tam Hoàng có phải là bậc Thánh chăng?

Đáp: Tam Hoàng khéo dùng thời chính, còn phải là bậc Thánh hay không thì khâu tôi không rõ.

Thái Tế rất kinh hãi hỏi tiếp: Thế thì ai là bậc Thánh? Khổng Tử nhú mày rồi đáp: Khâu này nghe nói Phương Tây có bậc Thánh. Không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, chẳng hóa mà tự hành. Làm người rộng lớn, không thể dùng danh từ mà nói được, nói theo đây, thì Khổng Tử biết rất rõ Phật là bậc Thánh. Nhưng thời chuyên chưa đến cho nên im lặng mà biết, có cơ duyên thì nêu ra, nhưng chưa nói đủ điều mình biết.

Thiền sư Thiết Ngưu Ấn ở Chung Sơn dạy các đồng hành. Ngày rằm tháng năm niên hiệu Diên Tải năm Thứ I, Hồ Tắc Thiên đời Đường, mới bắt đầu thu tóm tất cả tăng ni trong nước bắt buộc phải phụ thuộc vào Tư Bộ. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ 6 đời vua Huyền Tông quy định Tăng Ni được độ, do Ty bộ cấp điệp. Nhiệm Chí Đức năm thứ 3 đời vua Túc Tông điệp của Ty bộ ban cho công Thần bán, để luận bàn việc này thì trước niên hiệu Diên Tải: Tăng theo pháp bên Thiệu-trúc: Nếu có người hành nghiệp xứng đáng thọ đạo thì chỉ có thầy nhiếp thụ là được. Như Viên cung sứ, đời Đường là Hội Thông yết kiến Thiền sư Đạo Lâm ở thước sào, nói rằng: Đệ tử không muốn làm quan, chỉ muốn xuất gia, xin Hòa thượng nhiếp thụ. Đạo Lâm bảo: Thời này làm tăng, việc tu hành phần nhiều quá lạm dụng.

Thông thư: Vốn đã Thanh tịnh thì chẳng cần mài dũa, vốn đã sáng thì không tùy theo sự chiếu soi.

Đạo Lâm nói: Nếu ông đã rõ định trí diệu viên thể tự vắng lặng, tức là chân xuất gia, cần gì mượn tướng bên ngoài.

Thông thư: Xin Hòa thượng rủ lòng nhiếp thụ, con xin vâng theo

sự dạy bảo của thầy. Bấy giờ, Đạo Lâm mới cho cạo tóc, về sau do sự nghiệp tu hành bữa bãi, mới đặt ra chế độ kiểm soát, là lý tự nhiên.. Cho nên Đức Phật dạy phó chúc Phật pháp cho Quốc Vương, Đại Thần, là vì lẽ này. Nay Quốc Triều ơn Thánh tràn ngập, đặc biệt muôn đề cao giá trị của Đạo Phật, nên ban chính sách trọng giáo, tôn tăng, quý Hòa thượng chính là giáo pháp của Phật.

Ồi! Người làm tăng khó có ai biết được điều này. Nếu là bậc Đại Trưởng phu phải có chí kiên quyết dẹp bỏ mọi hành vi quá lạm dụng, dứt khoát từ dưới gót chân mình hướng ra ngoài Phật Tổ, liếc nhìn một cái thì thấu rõ tất cả, thân tâm đều rõ thì không có gì là khó, cũng chẳng lo lá bùa hộ mạng không vào tay, cho nên nói:

Non cao nước chảy ý sâu sắc

Tự có tri ân cười gật đầu.

Pháp hồi gửi thân vào chốn đạo tràng của Bảo Công đã nhiều năm, ông là người cẩn thận, thật thà chất phác, có ý chí kiên quyết, không có hành vi lạm dụng bữa bãi. Nay muốn tiến nạp làm tăng, cúi đầu kính tin đặc biệt lớn lao rõ ràng, đại Hiền bỏ ra giúp cho ông thành tựu chí nguyện đó, đem điều cốt yếu này đến để xin lời răn nhắc, do đây mà thường chỉ dạy, cũng muốn bậc hiền sĩ đại phu ở thế gian, khởi lên tâm trọng giáo tôn tăng, biết các bậc tiền bối tuy bị sự giàu có ràng buộc khốn đốn, nhưng cuối cùng cũng có sự hồi hận.

Trung thu năm Kỷ mùi, trụ ở thiết Ngưu núi Chung Sơn.

BÀI KÝ VỀ VIỆC MỚI XÂY PHÁP ĐƯỜNG CỦA THIÊN VIỆN VĨNH AN Ở PHỦ CHÂU DO CƯ SĨ VÔ TẬN SOẠN.

Trần Tông Dũ người ở Lâm Xuyên được đại pháp Hỉ ở trong hội có Trương Lão Vĩnh An, bỏ nhà riêng của mình để xây dựng thất làm hành lang, vừa mới ghép gỗ lại để làm pháp đường mới thì Tông Dũ qua đời. Hai con của ông than khóc kể với Thường rằng: cha tôi khi xưa chưa thờ Phật thì bình yên mạnh khỏe, đến lúc thờ Phật thì lại bệnh hoạn mà chết.

(1095) Vì thế thuyết nhân quả của Phật có đáng tin hay không?

Thường đáp: Ta là ông lão quê mùa, không đủ khả năng dẫn dắt ông, ông cứ làm hoàn thành chí của cha mà xây xong pháp đường cho tôi, Tiên sư tôi có học trò tên cư sĩ vô tận, là bậc Thượng thủ đặc pháp, thâm nhập pháp môn không hai, biện tài vô ngại, tùy theo căn tính chúng sinh khéo giảng pháp âm, lúc nào pháp đường hoàn thành sẽ đem thư đến thỉnh ông ấy để ông ấy giải quyết mối nghi của ông. Mùa Xuân

niên hiệu Thiệu Thánh thứ nhất, Thường Lão sai Minh giáo đem thư đến Sơn dương nói: tôi mới bị triệu về kinh làm Giám quan chưa có lúc nào rảnh rỗi. Năm sau giám lại đến kinh, chờ thư trả lời ở thiền viện Trí Hải. Bấy giờ, cư sĩ im lặng ở trong một căn phòng, hiểu rõ hoàn cảnh, dẫu có vòng sắt xoay trên đầu, thân tâm vẫn yên định, Minh Giám khóc nước mắt như mưa, tha thiết thỉnh cầu, Cư sĩ đại bi, việc hộ trì Phật pháp ở bên ngoài đều trông cậy vào bậc vua quan. Nay chúng sinh bị trôi dạt trong biển khổ, tham sợ sinh tử, mê hoặc nhân quả, kính mong cư sĩ làm vị đại y vương để bố thí thuốc pháp cho họ, Cư sĩ nói: lành thay! Vì các con của họ Trần mà đến thỉnh pháp yếu rất sâu xa vô thượng của Như Lai, ông hãy chú ý nghe ta nói, nhớ lấy để nói lại cho họ nghe.

Này người thiện nam! Trong khoảng vắng lặng vọng sinh bốn tướng, chứa dương thành lửa, chứa âm thành nước, lập thành ba tài, chia thành muôn phẩm, tất cả hữu tình nước lửa va chạm nhau, hình khí kết với nhau bằng bốn tướng nhỏ, đủ bốn đại giới, nhân sinh phải có dương, nhân dương phải có cửa, nhân của phải cần gom, nhân gom mà thành tham, nhân tham mà thành cạnh tranh, nhân cạnh tranh mà thành sân, nhân sân mà thành dung dữ, nhân dung dữ mà thành ngu, nhân ngu mà thành si. Tham, sân, si, này chư Phật nói trong ba A-tăng-kỳ kiếp, con người ta ở trong trăm ngàn kiếp, hoặc mười tuổi hai mươi tuổi, hoặc ba mươi tuổi, bốn mươi tuổi, hoặc năm, sáu mươi tuổi, hoặc bảy, tám mươi tuổi, đều đối với thọ lượng làm một tiểu kiếp. Đối với kiếp này muốn vượt ra ngoài số kiếp không thể kể xiết, thí như con giun đất muốn bay lên khỏi mây, thì không có việc đó. Chư Phật thương xót, khai thị môn Đại phương Tiện Đản ba-la-mật, khuyên ông xả bỏ của cải, của cải ông có thể xả thì có thể xả ái, ái ông xả được tức cả thân được, thân ông xả được tức xả được ý, ý ông có thể xả, tức xả được pháp, pháp ông xả được tức xả được tâm, tâm ông xả được, thì hợp với đạo.

Xưa, Tôn giả Ca-diếp hoàng hóa có bà lão nghèo đem nước vo gạo để trong chiếc bình vỡ ra mà bố thí, Tôn giả uống xong vọt lên hư không, hiện mười tám pháp biến hóa, bà lão chiêm ngưỡng tâm rất vui vẻ, Tôn giả bảo rằng: Những thứ bà đem bố thí được phước vô lượng, hoặc người, hoặc trời, Luân Vương Đế-thích, là bậc Thánh Tứ quả hay Phật, Bồ-tát tùy theo ý nguyện của bà, muốn gì đều được.

Bà lão đáp: Chỉ cầu được sinh lên cõi trời.

Tôn giả nói: sẽ được như điều bà muốn, sau bảy ngày quả nhiên bà lão qua đời, được sinh lên tầng trời Đao-lợi cao quý diệu lạc.

Lại nữa, vua nước Kế-tân nghe pháp trong hội của Phật bước ra

khỏi chúng thưa rằng: Bậc đại Thánh xuất thế ngàn kiếp khó gặp, nay muốn phát tâm xây dựng tinh xá, cúi xin Phật khai cho.

Phật bảo! Tùy theo ý ông. Vua nước Kế-tân cầm một cành trúc cắm trước Phật bạch rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Xây dựng (tinh xá) (chùa chiền) đã xong. Phật dạy: Đúng thế, đúng thế! Dùng tinh xá này mà chứa đựng pháp giới, dùng nó mà cúng dường, phước còn hơn số cát sông Hằng. Giám lại vì tôi đem hai thuyết này về nói với đàn-việt, để họ tự lựa chọn, cha ông đã xây dựng pháp đường, thất, hành, lang, so với bình nước vo gạo được phước hơn nhiều, sẽ được sinh lên cõi trời hưởng thọ vui, chắc chắn không nghi ngờ. So với vua nước Kế-tân cắm một cành trúc mà có thể chứa vô lượng pháp giới, ông muốn đến đây nghe một bài kệ của ta.

*Một nhánh tre dài dựng Tinh xá.
Gió cuộn muối mòng xuống biển Nam
Nước bắn hắt ra thành đệ nhị
Độn căn lỗ bước hỏi Tiên Tam.*

Bấy giờ, Minh Giám vui vẻ tin nhận, trở về bảo với những người còn đó, dùng bút ghi những lời cư sĩ đã nói thành bài ký.

TỔNG VĂN ĐẾ TẬP HỢP CÁC QUAN TẾ PHỤ BÀN LUẬN VỀ PHẬT GIÁO

Văn Đế là con thứ ba của Tống Cao Tổ, thông minh học rộng, nổi tiếng thông đạt, lên ngôi năm ba mươi tuổi, có một lần rảnh rỗi ung dung mà hỏi quan Thị trung là Hà Thượng Chi, nhân ngày quan lại bộ là Dương Huyền bảo rằng: lúc nhỏ Trẫm ít đọc kinh, gần đây lại càng không rảnh, nhân quả ba đời chưa rõ vẫn còn ấp ủ trong lòng, nhưng lại không dám đưa ra thuyết khác. Vì chính các khanh là bậc tài giỏi thời nay đều kính tín Phật giáo, Phạm Thái Tạ Linh Vận thường nói: văn kinh sáu kinh điển của nhà Nho, vốn giúp cho thế tục làm việc chính trị, muốn tìm hiểu về sự thật mâu nhiệm về tánh linh, há chẳng lấy giáo lý Phật làm kim chỉ nam hay sao? Gần đây, thấy Nhan Diên Chi phân tích “Đạt Tính Luận” Tống Bính bắt bẻ “Bạch Hắc Luận” mới hiểu sâu về Phật pháp, nhất là danh lý đều đầy đủ để mở mang tâm ý cho con người. Nếu làm cho cả nước, chuộng sự giáo hóa của Đạo Phật, thì Trẫm chỉ ngồi đợi đến cảnh bình, còn phải làm việc gì nữa?

Thượng Chi tâu: Những người sống lơ là phần nhiều không tin Phật pháp, hạ thân đây là kẻ tầm thường mà được bề hạ quá khen hỏi tới, thật chẳng dám kham nổi được như các bậc tài giỏi đời trước, cho

nên không thể phụ minh chiếu của bệ hạ, trong triều đã xa khó biết hết được, tính từ lúc vượt sông Trường Giang đến đây thì vương đạo, Chu Khải Siêu lượng, Vương Mông, Tạ Thượng, Khích siêu, Vương Thản, Vương Cung, Vương mật, Quách Văn Cử, Tạ phụ, Đái Quỳnh, Hứa Tuấn và các vị anh em đã mất của Cao Tổ, và anh em Vương Nguyên Lâm, Phạm Chú, Tôn Xước, Trương Huyền, Ân Khải, v.v... bọn họ, thì bậc tài giỏi trong hàng tể phụ, có người thì tiêu biểu về nhân luân, có người thì gởi tâm vào cõi trời, có người thì ẩn dật ở nơi mây khói, tất cả đều quyết chí quy y, thành tâm quy tín, trong khoảng đó so họ với Lan hộ, Khai tiêm, Thâm độn, Sùng thúy, đều thua Hoàng Trung, hoặc là người không thể lường được.

Pháp sư Tuệ Viễn thường nói: Sự giáo hóa của họ Thích chẳng có gì không lường được, đạo ấy vốn tự nó là nguồn gốc của sự giáo hóa, giúp cho thế tục cũng là việc quan trọng. Thử tìm hiểu kỹ thuyết này có những điều quan trọng khế hợp với đạo lý, nếu làm ra cho mọi người đều giữ giới, tội ác bị diệt, hình phạt không dung, thì điều Bệ hạ nói ngồi đợi cảnh thái bình, quả đúng với Thánh chỉ.

Dương Huyền Bảo Tâu: Cuộc bàn luận này bởi thuộc cõi trời, người, đâu phải chuyện hạ thần được khen ngợi, trộm nghĩ Tần Sở bàn về chuyện binh mạnh, Tôn Ngô Trổ hết thuật, thôn tính cũng không dùng đạo Nghiêu Thuấn, đâu chỉ có đạo Phật thôi. Vua nói: cửa Phật có khanh cũng giống như cửa khổng có Quý lộ, cái gọi là lời ác thì không lọt được vào tai. Từ đó, Văn Đế dốc hết lòng nghiên cứu kinh Phật, và gặp các vị tăng Nghiêm Quán, Ngài bàn đạo nghĩa nhiều lần hội họp ở trong điện, đích thân trải chiếu ngồi dưới đất ăn cơm với chư Tăng. Bấy giờ, có sa-môn Trúc Đạo Sinh, và bậc xuất chúng anh nghĩa tài giỏi, được vua trọng vọng, vua thường nói lại nghĩa đốn ngộ của Trúc Đạo sinh, các vị Tăng đều đặt ra những vấn đề lớn để vận vẹo. Vua bèn nói: nếu làm cho người đã chết sống lại, há đã bị khanh đào lên. Lúc ấy, Nhan Diên Chi soạn luận ly thức, vua sai Pháp sư Nghiêm phân biệt chỗ đồng khác của nó, hai bên tranh luận qua lại cả ngày. Vua cười nói: Ngày hôm nay các khanh không hổ thẹn với cuộc bàn luận của Chi Hứa.

GIAO TỰ CHỈ TRONG SÁCH HẬU HÁN

Chỉ chép rằng: Phật, tiếng Hán là giác ngộ, mục đích là để giác ngộ chúng sinh, tóm tắt giáo lý của đạo này lấy tu thiện từ tâm làm chính, không sát sinh, chỉ lo việc thanh tịnh, tinh tấn là sa-môn, tiếng

Hán có nghĩa là dứt tâm.

Cạo tóc là bỏ nhà dứt tình, rửa dục mà trở về vô vi, lại cho rằng người chết tinh thần bất diệt, rồi lại thọ thân, những điều thiện, ác mình gây ra kiếp sau sẽ có báo ứng, điều đáng quý là phải làm điều lành để luyện tinh thần mình. (10910) Luyện mãi không dừng đến lúc Vô sinh thì được thành Phật, thân cao một trượng sáu, màu sắc vàng ròng, trên đỉnh có ánh như mặt trời mặt trăng, biến hóa vô thường, thường cứu giúp chúng sinh, có kinh sách hàng mấy ngàn quyển, lấy hư vô làm tông, bao la tinh tú không chỗ nào chẳng thấu, khéo đặt ra những lời cao quý bao la, điều mong muốn ở trong nhất thể, điều nói ở trong sự thấy nghe, quy y đạo lý mẫu nhiệm sâu xa khó mà lường được. Cho nên các bậc Vương công đại nhân xem lúc sinh tử báo ứng, đều y cứ vào sự mất mát của tự nhiên.

Ngụy Thư chép: Đại đế kinh sách nói các loài chúng sinh, đều do hành nghiệp mà khởi, có ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, các thứ lớp đẳng cấp trong việc tu đạo rất nhiều, đều từ cạn đến sâu, từ nhỏ đến lớn, đều nhờ chứa nhóm nhân thuận, bỏ ham muốn, tập vắng lặng mà thành chiếu suốt.

BÀI VĂN HỒI HƯƠNG KHI QUÉT ĐẤT CỦA THIÊN SƯ THỦ NHẤT PHÁP CHÂN CHÙA TỊNH TỬ Ở HÀNG CHÂU

Hồi hương công đức quét chùa này cho chúng sinh trong pháp giới sắc trần thanh tịnh, trần thanh tịnh cho nên nhân căn thanh tịnh, căn thanh tịnh cho nên nhân thức thanh tịnh, thanh hương xúc pháp cũng giống như vậy. Lại nguyện một thế giới thanh tịnh, cho đến tận pháp giới, hư không giới đều thanh tịnh, giống như viên giác già lam, giác địa thanh tịnh, mà các Như Lai Quang Nghiêm trụ trì, dứt hẳn hai bên tập khí tịnh uế, phàm Thánh cấu bần, chẳng còn một hạt bụi, nguyện thanh tịnh như vậy, trí cũng giống như vậy.

BÀI KÝ VỀ THẬP PHƯƠNG THIÊN VIỆN CỦA CHÙA LINH PHONG NÚI ĐẠI HỒNG Ở TÙY CHÂU

Tháng 9 niên hiệu Nguyên Hiệu năm thứ 2, vua hạ chiếu cho chùa Linh Phong núi Đại Hồng ở Tỳ Châu đổi Luật tông thành Thiên Tông. Niên hiệu Thiệu Thánh năm thứ nhất, Ngoại Đài mới thỉnh Trưởng lão Báo An trụ trì chùa Thiếu lâm ở Lạc Dương. Tháng giêng đổi thành niên hiệu Sùng Ninh, sai người đến xin bài ký về Thiên viện Thập Phương, mới viết rằng: Nút Đại Hồng ở phía Tây nam Tỳ Châu, nền chiếm

hơn một trăm dặm, đỉnh núi nhìn xuống các vùng Hán Đông, rừng núi non một dãy phẳng lỳ như đất bằng, dựa vào điều mà các bậc kỳ cứu đã nghe truyền lại. Hồng có chỗ gọi là Hồ (Không có chấm thủy), hoặc gọi Hồ (có chấm thủy) chưa rõ ý nghĩa là gì. Nay y cứ vào địa lý mà xét, giữa bốn ngọn núi, xưa kia là hồ, là nơi thần rồng ở, sóng lớn mênh mông, không biết đâu là bờ bến. Sau đó hai rồng đấu nhau nứt thành bờ ao. Nước hồ chảy về phía Nam. Cho nên thôn xóm dựa vào núi gọi là lạc hồ, cai quản núi Đại Hồng này, nên mới được đặt tên như vậy.

Vào niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường, Thiện tín là vị Tăng chùa Khai Nguyên ở Hồng châu, tức Đại sư Từ Nhẫn của núi này. Đại sư theo tâm yếu mật truyền của Mã Tổ, đi về phía Bắc đến núi Ngũ Đài, lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, thấy sự cao đẹp tự mừng là có duyên với Bồ-tát, phát nguyện xin thọ nấu cho chúng Tăng ba năm, nhưng bị tăng trong chùa khước từ, đại sư than khóc, bèn có một ông lão bảo rằng: “Duyên của ông không phải ở đây, ông cứ đi đi, gặp Tùy thì dừng, gặp Hồ thì trụ, Đại Sư liền đi về phía Nam, tháng bảy mùa Thu niên hiệu Bảo Lịch năm thứ 2, tới Tùy Châu xa thấy ngọn núi cao, hỏi người trong làng rằng: Đó là núi gì?

Người trong làng đáp: Đây là Núi Đại Hồ, Đại Sư ngấm biết là hợp với lời nói trước, bèn tìm đường tới chân núi đến bên hồ, đứng vào năm ở đó gặp hạn hán nặng. Người trong làng Tên Trương Vũ Lăng nói: chuẩn bị sẵn dê lợn, định dùng vào việc cầu nguyện rồng trong hồ, sư thấy vậy thương xót bèn bảo Vũ Lăng rằng: Mưa nắng bất thường, vốn cảm ứng do nghiệp xấu của con người, hại mệnh để cứu mệnh lại thêm tội, hãy chớ sát sinh, nán lại ba ngày ta sẽ cầu nguyện giúp các ông. Trương Vũ Lăng cũng là dị nhân, nghe lời Đại sư nói ông ta kính tin ngay: Đại Sư liền vạch cây men đá, tìm thấy hang động ở phía Bắc núi, Đại Sư điềm nhiên an tọa, thành tâm cầu nguyện, thế là sấm nổi mưa to, mấy ngày sau mưa mới tạnh. Vũ Lăng lần theo dấu vết thì thấy Đại Sư đang thiền định. Tơ Châu dăng kín mặt phải quát vào tai, đánh vào thân, hồi lâu mới tỉnh, Vũ Lăng bèn xây tịnh xá cúng dường Sư ở núi này và cho hai con theo hầu, thế là học trò đến theo và thành pháp tịch. Đến ngày 29 tháng 5 niên hiệu Thái Hòa năm thứ I, Đại Sư thầm nói với rồng Thần rằng: Trước đây ta đem thân thay cho vật hy sinh, làm mất huyết thực của ông. Nay xả thân cho ông, ông hãy ăn thịt ta, liền lấy dao chặt gối trái, lại chặt gối phải, môn đồ nháo nhác, nhưng gối của thầy Từ Nhẫn không đứt được, nước chảy ra, Đại sư nghiễm nhiên thị tịch. Hai đứa con của họ Trương đứng thấy bèn hóa. Đông

Đạo ở ngọn núi đem tâu chuyện với Vua. Vua Đường Văn Tông khen ngợi, ban cho tám biển treo ở chỗ Đại sư ở, biển đề là Thiên Viện U Tế, trong niên hiệu Thiên Phúc đời Tấn đổi thành chùa Kỳ Phong đều vì cầu nguyện được Linh ứng. Từ lúc sư nhập diệt đến nay hơn ba trăm năm, mà dân mười mấy châu Vùng Nhữ Phần ở Hán Quảng, đều thờ cúng tôn nghiêm, như theo một sự ước thúc, vàng, lụa, lúa, thóc đầy ắp trên đường, của mạnh pháp yếu, tăng phạm mới đổi. Trước đây đỉnh núi này cao ngất, điện đường lầu gác làm theo thế núi, trước sau khác nhau, hướng nhà lộn xộn. Ân lão đến ở ngăm kỹ hình thặng, mở đường đi vào từ phía Nam để đứng nơi khách và chủ, đào núi lấp khe, san bằng chỗ cao, xây các bậc đá, khiến núi cao muôn nhẫn trở thành đỉnh núi bằng phẳng, Điện đường ba cửa mở canh thẳng băng, hành lang mái hiên của bốn phía thông đạt. Những người tu hành thanh tịnh đến họp như mây, nơi đây trở thành tông lâm. Đền báu tượng lành ở Nga Mi, cầu vồng ánh sáng mát mẻ, những cảnh kỳ lạ ở nơi khác cùng hiện ở đây. Phá cái cũ dựng cái mới, những vị theo luật tông, quyến luyến với cảnh cũ mà nhao nhao, gặp lúc ta bị đưa đến làm quận thứ ở đây, ta muốn thiên luật cùng tồn tại mà dặn! Luật lấy Giáp Ất, Thiên lấy mười phương, mà gọi Giáp Ất là Giáp từ đâu đến, Ất từ đâu lập ra? Rồi đáp: Chúng tôi là con cháu Từ Nhẫn, nay lấy người ở mười phương, Ất ở Từ Nhẫn, Giáp ở Mã Tổ, Ất ở Mã Tổ, Giáp ở Nam Nhạc. Ất ở Nam Nhạc, Giáp ở Tào Khê. Suy tính kỹ trở lên thì Giáp Ất ở tại Bồ-đề Đạt-ma, hai mươi tám vị Tổ ở Tây Thiên, gọi là Giáp Ất, quả thật nó ở đâu?

Lại nói mười phương là: Mười từ đâu sinh, phương từ đâu khởi, pháp của thế gian từ một sinh ra hai, một với hai thành ba, hai với ba thành sáu, ba nhân ba thành chín, chín là tột cùng. Lại quay về một, một với chín là mười, nghĩa mười mới thành, chẳng phải tự nhiên, không có một mà lại có mười, gọi là phương. Trên là phương hay dưới là phương? Đông là phương hay Tây là phương? Nam là phương hay Bắc là phương? Lấy trên làm phương thì đó là chỗ của các vị trời, chẳng phải cảnh giới. Lấy dưới làm phương thì chỗ giữ gìn phong luân, chẳng thể ở được. Lấy Đông làm phương thì người ở Tỳ-đề-ha, mặt như hình bán nguyệt. Lấy Bắc làm phương thì người uất-đàn-việt tuổi thọ lâu dài. Lấy Tây làm phương thì cõi Cù-Da-Ni sóng biển mịt mờ. Lấy Nam làm phương thì cõi Diêm-phù-đề thì voi ngựa mỗi nước một khác, như thế Giáp Ất không nhất định, mười Phương không chỗ nương, cạnh tranh luật thiên ai đúng ai sai? Nhưng theo luật nói: Đức Thế Tôn từng ở trong tịnh xá Trúc lâm vườn cấp cô Độc như lời nói của Thái Thú thì Thế Tôn sai ư?

Tôi nói: Ông há không nghe, cho Đại Viên Giác là già-lam của ta, thân tâm yên ổn tánh trí bình đẳng, đây chẳng phải lời ta nói, chính là lời Phật nói. Lúc bấy giờ, người theo luật im lặng bỏ đi. Thiên giả nói kẻ phượng sĩ ngoại một mình một bát, không cầu mong gì trong thế gian, như chim bay trên hư không gặp cành thì đậu, như rùa bơi dưới nước gặp cây là nổi, đến như bọt hợp, đi như bọt tan, không biết sự quân coi họ là Giáp Ất hay mười phương.

Ta nói: Lành thay! Phật tử, không trụ ở trong, không trụ ở ngoài, (1907) không trụ ở giữa, không trụ bốn bên, trên, dưới, hư, không, nên không chỗ mà trụ trì, “còn nói gì nữa”. Viết bài ký này vào lễ thượng Nguyên tháng giêng, niên hiệu Sùng Ninh năm thứ nhất.

BÀI CA VỀ NGHE TỤNG KINH PHÁP HOA CỦA PHÁP SƯ TU NHẢ ĐỜI ĐƯỜNG

*Sắc núi trầm trầm
Khói thông mờ mịt
Ở dưới rừng vắng
Có đá bàn-đà
Trên đá có tảng
Kiết già gối ngang
Tụng kinh Bạch Liên
Từ sáng đến tối
Bên trái bên phải,
đầy dấu cạp sỏi
Mười mảnh năm mảnh
Hoa lạ ngổn ngang
Tình cờ gặp nhau
Chưa quen biết sâu
Biết là người xưa,
Hay là người nay?
Chính là Đàm Ngạn?
Hay là Đàm Dực?
Ta nghe kinh này, có yếu chỉ sâu
Vua biết khen diệu nghĩa chân thật
Nhắm mắt lắng lòng ông nghe kỹ
Giọt mồ hôi rót vào trong bụng
Ý của Phật là tủy của Tổ
Tâm ta là yếu chỉ của kinh*

Thương thay búng ngón tay, đưa tay
Không đạt trước mắt nay chính là
Lớn lao thay thật rất tự đắc
Không sinh phải khiến chúng sinh được
Soi sáng một muôn tám ngàn ba cõi.
Mỗi cõi thấy đều bằng vàng ròng
Bốn sinh sáu đường trong ánh sáng
Người cuồng cần tự hỏi Di-lặc
Năm đó ta cũng học vắng lặng.
Vừa được vô tâm liền dứt bật
Hiện nay được nghe tụng kinh này
Mới biết xe lừa không mục đích
Năm đó ta cũng không ra cửa
Không muốn bụi trần dính bước chân
Nay đích thân nghe tụng kinh này
Mới biết mỗi bước là chỗ báu
Năm đó ta cũng thích ca ngâm
Sẽ cho thâm tìm loạn thiên định
Nay đích thân nghe tụng kinh này
Ngại gì bút nghiên giúp chân tánh,
Năm đó ta cũng quen trò trẻ
Cho thời gian luống uống một nửa
Nay đích thân nghe tụng kinh này
Mới biết nhóm cát việc không nhỏ.
Xưa ta từng dạo núi và sông
Cho là núi khác chẳng phải quê
Nay đích thân nghe tụng kinh này
Mới biết sông chẳng có tác đất
Ta xưa tâm vượn chưa điều phục
Thường dùng khóa vàng câu thúc hồ
Nay đích thân nghe tụng kinh này
Mới biết vô vật là hư hư
Sư tụng kinh này qua một chữ
Mỗi chữ nhấm nháp vị đề hồ
Vị đề hồ kia quý lại ngon
Không ở môi cũng không ở răng
Chỉ ở nhọc nhằn trong tất vương.
Sư tụng kinh này qua một câu

Từng câu trâu trắng đều cất bước
 Bước đi trâu trắng nhanh như gió
 Không ở phía Tây, chẳng ở Đông
 Chỉ trong hăng ngày kiếp phù sinh
 Hằng ngày không biết đâu là khổ
 Rượu trong ruột còn cơm trong bụng
 Trường giả quát to gọi không về
 Chẳng khác gì điếc, chẳng khác mù.
 Tai của người đời đều tỏ rõ
 Tai thông đặc biệt điếc với kinh
 Mắt người thế gian đều sáng suốt
 Mắt sáng đặc biệt, mù với kinh
 Đáng nghe không rõ, đáng sáng không sáng
 Ròng rọc lên xuống, sống luống chết uổng
 Người đời dẫu biết tiếng của sư
 Nào ai biết được tâm của sư
 Người đời dẫu biết hình dáng sư
 Nào ai biết được tên của sư
 Sư tên Y Vương hành luật Phật
 Đến điều trị bệnh tâm chúng sinh
 Có thể làm cho người mê được tỉnh.

Người cuồng được định, người cấu thành tịnh, người tà thành chánh, người phạm Thánh Thánh. Như vậy thì chẳng những trời cung kính, người cung kính, còn được rồng tán vịnh, quý tán thành, Phật tán dương, thế thì những người bỏ giác theo trần không cú đầu quy mệnh ư?

CHIẾU LƯƠNG HOÀNG BỎ ĐẠO GIÁO THỜ PHẬT

Lương cao Tổ Võ Hoàng Đế năm ba mươi bốn tuổi lên ngôi, làm vua được bốn mươi chín năm, tuy công việc triều chính bộn rộn nhưng, tay vẫn không rời sách, nội kinh ngoại điển đều để tâm giải thoát, tất cả hơn mấy ngàn cuốn, lại còn tự mình tiết kiệm không dùng lụa, chỗ ngủ đơn sơ, đêm ngày siêng năng trong có đặt sẵn chăn vải, chiếu cói, giày cỏ, khăn gai lúc vừa lên ngôi đã chuẩn bị sẵn việc đó, hằng ngày chỉ ăn một bữa, bỏ hẳn đồ mặn. Từ lúc có vua, chúa ít có người được như thế. Trước kia vua thờ Lão Tử, tôn sùng bùa pháp, sau nghiên cứu kỹ cội nguồn thấy có điều luống dối, vua bèn dùng thần bút hạ chiếu bỏ Đạo giáo.

Văn ghi: Nay là ngày 8 tháng 4 niên hiệu Thiên Giám năm thứ ba, Hoàng Đế nước Lương là Tiêu Diễn ở Lam Lăng, cúi đầu kính lễ chư Phật mười phương, cũng thấy kinh ghi rằng: Phát tâm Bồ-đề tức tâm Phật, các điều lành khác không thể sánh bằng, có thể làm cho chúng sanh ra khỏi cửa khổ ba cõi, vào con đường thù thắng vô vi. Cho nên Như Lai trí lậu tận, thanh giác bất động, chí đạo thông cơ, hạnh viên mãn trở thành bậc Thánh, thấp đức trí tuệ để chiếu mê, soi dòng pháp để trừ cấu, mở dấu vết lành ở trong trời, soi sáng linh ghi ở ngoài tượng, độ chúng sanh mê hoặc trong biển đục, dẫn chúng sanh tới Niết-bàn, chứng thường lạc trên núi cao, ra khỏi vực sâu của sông ái, lời lẽ trái bốn câu, dứt trăm phi, ứng tích ở cõi Ta-bà, sinh vào cung vua Tịnh Phạn, lúc hạ sinh, bước ra ba cõi mà ra thành độc tôn, dưới cây đạo thành Phật ánh sáng tỏa khắp đại thiên, mà soi sáng, chỉ vì cơ tâm cạn cợt nhầm chán cuộc sống, tự hẹn hai tháng sẽ đến rừng sa-la, tôn sùng mới là nói pháp sâu sắc viên thường. Nên lại soi sáng ở Hạc Thụ, xà Vương diệt tội, Bà số trừ ương. Nếu gặp không được Đại Thánh Pháp Vương thì ai có thể cứu độ dắt dẫn được? Dấu vết ẩn đạo kia không thiếu. Trước đây đệ tử đã từng, chậm chạp, mê muội, hoang tưởng, mê thờ Lão tử, bao đời nối nhau nhiễm tà pháp này, tập nhân khéo phát, bỏ ngu mê biết quay về. Nay bỏ bạn đồng cốt cũ, nương nhờ Chánh giác, nguyện đời vị lai sẽ làm đồng nam xuất gia, mở mang Phật pháp hóa độ chúng sanh, cũng đồng thành Phật, thà ở trong chánh pháp mãi mãi luân hồi đường ác, chứ không thích theo Đạo giáo của Lão Tử, tạm được sinh lên cõi trời, tâm theo Đại thừa, lìa niệm là Nhị Thừa, kính nguyện chư Phật chứng minh, Bồ-tát nhiếp thọ, đệ tử Tiêu Diễn kính lễ.